

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 466 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Định, ngày 13 tháng 02 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.636,  
đoạn qua xã Phước Hòa, Phước Hưng, huyện Tuy Phước.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 55/TTr-STC ngày 10/02/2025 và đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 104/TTr-SGTVT ngày 25/10/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.636, đoạn qua xã Phước Hòa, Phước Hưng, huyện Tuy Phước, Địa điểm xây dựng: Huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư: UBND tỉnh.
- Cơ quan phê duyệt TK BVTC-DT: Sở Giao thông vận tải.
- Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.
- Địa điểm xây dựng: Huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Thời gian thực hiện: 2022-2024.
- Thời gian khởi công, hoàn thành: 03/6/2022 - 30/6/2024.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

**1. Chi phí đầu tư**

Đơn vị tính: đồng.

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được duyệt</b>	<b>Phê duyệt quyết toán</b>
	<b>Tổng cộng chi phí</b>	<b>29.357.675.000</b>	<b>26.764.197.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>25.424.860.000</b>	<b>24.521.803.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>582.002.000</b>	<b>582.002.000</b>

<b>III</b>	<b>Tư vấn đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>1.553.158.000</b>	<b>1.319.210.000</b>
1	CP khảo sát bước lập BC NCKT	147.299.000	280.508.000
2	Chi phí lập BC NCKT	144.974.647	
3	CP KS bước lập TK BVTC	2.538.000	319.482.000
4	CP thiết kế BVTC-DT	332.363.147	
5	CP thẩm tra TK BVTC	35.425.827	66.786.000
6	CP thẩm tra dự toán	34.195.765	
7	Chi phí giám sát thi công	656.361.863	600.796.000
8	Chi phí kiểm định Cầu Quảng Nghiệp	200.000.000	51.638.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>406.454.000</b>	<b>341.182.000</b>
1	Chi phí thẩm định BC NCKT của CQCM trực thuộc người QĐ đầu tư	23.355.028	23.355.000
2	Phí thẩm định TK BVTC	3.416.843	3.417.000
3	Phí thẩm định dự toán	3.302.948	3.303.000
4	CP bảo hiểm công trình	72.664.860	72.665.000
5	CP lập HS MT thi công	24.992.290	24.992.000
6	CP đánh giá HSDT	24.992.290	24.992.000
7	CP lập HSMT TV giám sát	1.000.000	1.000.000
8	CP đánh giá HSDT TV giám sát	1.000.000	1.000.000
9	Phí thẩm định HSMT TV GS	1.000.000	1.000.000
10	Phí thẩm định KQ LCNT TV GS	1.000.000	1.000.000
11	Phí thẩm định HSMT thi công	12.496.145	12.496.000
12	Phí thẩm định KQ LCNT thi công	12.496.145	12.496.000
13	Phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	93.317.947	93.318.000
14	Phí thẩm định dự án	2.505.399	2.505.000
15	CP đảm bảo an toàn giao thông	49.552.237	
16	Chi phí cầm cọc GPMB		
	Xã Phước Hòa	39.429.484	63.643.000
	Xã Phước Hưng	39.932.567	
<b>V</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>1.391.201.000</b>	

## 2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán duyệt lần cuối	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.357.675</b>	<b>26.764.197</b>	<b>26.657.391</b>	<b>106.806</b>	<b>0</b>
Vốn đầu tư công NST			26.657.391		

### 3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>26.764.197.000</b>	<b>26.764.197.000</b>		
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	26.764.197.000	26.764.197.000		

#### 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: không.

#### 5. Vật tư, thiết bị tổn động: Không.

#### Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là: 26.764.197.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>26.764.197.000</b>	
1) Vốn đã thanh toán: Vốn ĐT công	26.657.391.000	
- Vốn CQ SD đất	25.657.391.000	
- Vốn thu tiền SD đất	1.000.000.000	
2) Vốn còn thanh toán tiếp:	106.806.000	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (25/10/2024) là:


- Tổng nợ phải trả : 106.806.000 đồng, bao gồm:
  - + Chi phí TV ĐT XD : 13.488.000 đồng
  - . CP kiểm định Cầu Quảng Nghiệp: 13.488.000 đồng;
  - + Chi phí khác : 93.318.000 đồng , bao gồm:
    - . CP thẩm tra phê duyệt QT : 93.318.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.


Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
Sở Giao thông vận tải	26.764.197.000	

**Điều 4.** Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /: 

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. 

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**